

Phiếu 1A.5.1/ĐTDN-VT

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI, BƯU CHÍNH, CHUYỂN PHÁT**Năm 2017***(Áp dụng cho doanh nghiệp đơn/cơ sở có các hoạt động vận tải, bưu chính, chuyển phát)*

Tên doanh nghiệp/cơ sở:

*(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*Địa chỉ: *CQ Thống kê ghi*Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

--	--

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh)

--	--	--

Ngành SXKD chính:

--	--	--	--	--

*(VSIC 2007-Cấp 5)*Tổng số lao động thời điểm 01/01/2017:

--

 NgườiTrong đó: Nữ

--

 NgườiTổng số lao động thời điểm 31/12/2017:

--

 NgườiTrong đó: Nữ

--

 Người

Ngành đường	Mã số	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tổng số		Trong đó: Ngoài nước		Phương tiện vận tải có tại thời điểm 31/12/2017		
			Vận chuyển (1000Hk)	Luân chuyển (1000Hk.Km)	Vận chuyển (1000Hk)	Luân chuyển (1000Hk.Km)	Loại phương tiện	Số lượng (Chiếc)	Tổng trọng tải (Chở)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Vận tải hành khách									
1. Đường sắt	01						Toa tàu		
2. Đường bộ	02						x	x	x
2.1. Vận tải bằng xe buýt	03						Ô tô		
2.2. Vận tải bằng xe taxi	04						Ô tô		
2.3. Vận tải bằng xe khách	05						Ô tô		
- Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở lên	06						Ô tô		
- Ô tô dưới 9 chỗ ngồi	07						Ô tô		
2.4. Vận tải khác (ghi rõ):.....	08						x	x	x
3. Viễn dương	09						Tàu thủy		
4. Ven biển	10						Tàu thủy		
5. Đường thủy nội địa	11						Tàu thủy		
6. Vận tải hàng không	12						Tàu bay		

II. Vận tải hàng hóa									
Ngành đường	Mã số	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tổng số		Trong đó: Ngoài nước		Phương tiện vận tải có tại thời điểm 31/12/2017		
			Vận chuyển (1000Tấn)	Luân chuyển (1000T.Km)	Vận chuyển (1000Tấn)	Luân chuyển (1000T.Km)	Loại phương tiện	Số lượng (Chiếc)	Tổng trọng tải (Tấn)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Đường sắt	01						Toa tàu		
2. Đường bộ	02						Ô tô		
3. Viễn dương	03						Tàu thủy		
- Tàu chở hàng	04						Tàu thủy		
- Tàu chở dầu	05						Tàu thủy		
4. Ven biển	06						Tàu thủy		
- Tàu chở hàng	07						Tàu thủy		
- Tàu chở dầu	08						Tàu thủy		
5. Đường thủy nội địa	09						Tàu thủy		
6. Vận tải hàng không	10						Tàu bay		
III. Hoạt động bưu chính, chuyển phát									
Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra					
				Đi trong nước	Đi quốc tế	Quốc tế đến			
A	B	C	1	2	3	4			
I. Doanh thu thuần	01	Triệu đồng							
1. Dịch vụ bưu chính	02	"							
2. Dịch vụ chuyển phát	03	"							
II. Sản lượng	04								
1. Bưu phẩm	05	Kg							
2. Bưu kiện	06	Kg							
3. Số thư chuyển tiền, điện chuyển tiền	07	1000 phiếu							
4. Tổng số báo chí phát hành qua bưu điện	08	1000 tờ, cuốn							

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI

Căn cứ vào hoạt động của cơ sở để ghi số liệu vào mục, dòng tương ứng. Trên một dòng các chỉ tiêu có liên quan chặt chẽ với nhau, khi đã xuất hiện số liệu ở một dòng nào đó thì cần điền đủ ở các cột (không ghi số liệu vào các ô đánh dấu x).

I. Vận tải hành khách

Vận tải hành khách được chia theo 6 ngành đường, chỉ tiêu thu thập là doanh thu thuần; tổng số hành khách vận chuyển, luân chuyển; hành khách vận chuyển, luân chuyển ngoài nước.

Tổng doanh thu thuần bao gồm: Doanh thu thuần của các hoạt động vận tải theo các phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, ven biển, viễn dương, đường thủy nội địa và đường hàng không.

Tổng số doanh thu thuần được yêu cầu chi tiết theo từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện theo các dòng và cột tương ứng trong biểu.

- Số lượng hành khách vận chuyển (đơn vị tính là 1000 hành khách).
- Số lượng hành khách luân chuyển (đơn vị tính là 1000 Hk.km).

Căn cứ để tính số lượng hành khách vận chuyển là số lượng vé bán ra, kể cả số vé miễn giảm cước. Số lượng hành khách luân chuyển là tích của số lượng hành khách vận chuyển với cự ly vận chuyển thực tế. Cự ly vận chuyển thực tế là quãng đường làm căn cứ để tính giá vé đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

Vận chuyển ngoài nước gồm vận chuyển từ trong nước ra nước ngoài, từ nước ngoài vào trong nước và vận chuyển giữa các nước ngoài.

II. Vận tải hàng hóa

Vận tải hàng hóa được chia theo 6 ngành đường, chỉ tiêu thu thập là doanh thu, tổng số khối lượng vận chuyển, tổng số khối lượng luân chuyển, khối lượng vận chuyển, luân chuyển ngoài nước.

Tổng doanh thu thuần bao gồm: Doanh thu thuần của các hoạt động vận tải theo các phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, ven biển, viễn dương, đường thủy nội địa và đường hàng không.

Lưu ý: *Doanh thu thuần cũng bao gồm cả doanh thu thuần các hoạt động phụ do đơn vị vận tải thực hiện nhưng không đủ cơ sở thông tin bóc tách để đưa vào ngành sản xuất dịch vụ thích hợp khác.*

Các đơn vị vận tải có bán hàng cần phải tách trị giá vốn hàng hóa, lợi nhuận thương mại ra khỏi kết quả hoạt động vận tải hàng hóa (Ví dụ: Trường hợp bán vật liệu xây dựng tại chân công trình, không được tính trị giá phần vật liệu xây dựng,...).

- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (1000 tấn).

- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (1000 tấn.km).

Khối lượng hàng hoá vận chuyển là số tấn hàng hoá thực tế (kể cả bao bì nếu có) ghi trong hợp đồng vận chuyển, giấy vận chuyển hoặc trên bao bì của hàng hoá. Đối với hàng rời thì căn cứ vào khối lượng riêng và thể tích hàng hoá thực tế xếp trên phương tiện để tính khối lượng hàng hoá vận chuyển. Không dùng tấn tính cước hoặc tấn trọng tải của phương tiện để tính khối lượng hàng hoá vận chuyển thực tế. Đơn vị tính khối lượng hàng hoá vận chuyển là Tấn.

Khối lượng hàng hoá luân chuyển tính bằng cách nhân khối lượng hàng hoá vận chuyển với cự ly vận chuyển thực tế. Cự ly vận chuyển thực tế là quãng đường đi ngắn nhất mà phương tiện có thể đi được từ nơi gửi hàng đến nơi nhận hàng đã được Bộ Giao thông Vận tải hoặc cơ quan được Nhà nước ủy quyền công bố, hoặc thỏa thuận giữa chủ hàng và chủ phương tiện trong hợp đồng vận tải. Đơn vị tính khối lượng hàng hoá luân chuyển là Tấn.km.

Không được tính vào sản lượng vận tải những khối lượng hàng hoá đang trong quá trình vận tải. Quá trình vận tải kết thúc vào thời kỳ nào thì tính sản phẩm vận tải vào thời kỳ đó. Căn cứ để tính sản phẩm vận tải là giấy đi đường, giấy vận chuyển, giấy gửi hàng, hợp đồng vận chuyển, hoặc các chứng từ vận tải khác của chủ hàng. Như vậy, những khối lượng hàng hoá vận tải chưa có đủ chứng từ giao nhận xong với chủ hàng hoặc cơ quan được chủ hàng ủy quyền thì đều coi là dang dở trên đường và chưa được tính.

Phương tiện vận tải có đến 31/12/2017:

Ghi số lượng phương tiện có đến 31/12/2017 của cơ sở đang tham gia hoạt động kinh doanh vận tải, không kể những phương tiện phải ngừng hoạt động trên 2/3 thời gian trong năm vì lý do kỹ thuật, pháp lý, đưa vào xưởng sửa chữa, xe bị tạm giữ... và xe chờ thanh lý.

Phương tiện vận tải có đến 31/12/2017 được chia theo:

- Loại hình vận tải của phương tiện: Phương tiện hành khách, phương tiện hàng hóa.

- Ngành đường: Bao gồm các loại phương tiện của các ngành đường: Đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường không. Doanh nghiệp ghi số liệu tương ứng với phương tiện hoạt động của mình.

- Với mỗi loại phương tiện của loại hình vận tải, theo các ngành đường có đơn vị tính phù hợp. Về số lượng tính theo đầu phương tiện (đơn vị là chiếc), cộng dồn trọng tải của phương tiện cùng loại để có được tổng trọng tải phương tiện cùng loại (đơn vị tính với hành khách là số chỗ, với hàng hóa là số tấn).

III. Hoạt động bưu chính, chuyển phát

1. Doanh thu thuần: Là tổng số tiền đã và sẽ thu về do việc cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát trong nước và quốc tế cho khách hàng của cơ sở trong kỳ báo cáo.

- *Dịch vụ bưu chính bao gồm:* Dịch vụ nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước và quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện (*không bao gồm dịch vụ chuyển tiền bưu điện, tiết kiệm bưu điện*).

- *Dịch vụ chuyển phát bao gồm*: Dịch vụ nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước và quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các cơ sở không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung; dịch vụ này cũng bao gồm cả dịch vụ giao hàng tận nhà.

2. Sản lượng

- Bưu phẩm: Là số lượng bưu phẩm thường các loại, bưu phẩm phát trong ngày, bưu phẩm chuyển phát nhanh có tính cước được chuyển đi trong nước và quốc tế. Không bao gồm: Các bưu phẩm không phải trả cước như bưu phẩm nghiệp vụ (được gửi và nhận giữa các đơn vị bưu chính, viễn thông với nhau).

- Bưu kiện: Là số lượng bưu kiện thường, bưu kiện chuyển phát nhanh có tính cước được chuyển đi trong nước và quốc tế. Không bao gồm: Các bưu kiện không phải trả cước như bưu kiện nghiệp vụ được gửi và nhận giữa các đơn vị bưu chính, viễn thông với nhau.

- Số thư chuyển tiền, điện chuyển tiền: Là số lượng thư, điện chuyển tiền trong nước và quốc tế qua bưu điện.

- Tổng số báo chí phát hành qua bưu điện: Là tổng số lượng các loại báo, tạp chí trung ương, ngành, địa phương, báo, tạp chí nhập khẩu được phát hành trong nước và quốc tế qua bưu điện.